TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 4 - 2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Thiều Thị Phi Loan

2/ Bà Vương Thị Khánh Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Uyên San – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai: Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1332/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T, sinh ngày 19/9/1989

Căn cước công dân số 086189010474 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/11/2022.

Địa chỉ: Đường P, phường C, thành phố V (nay là phường P), tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Đ, sinh năm 1982;

Căn cước công dân số 075082010995 do Cục C về TTXH cấp ngày 15/11/2022.

Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

(Bà T, ông Đ có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trần Đ tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn

số 370, ngày 31/12/2008. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc vào thời gian đầu nhưng về sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột về tính cách, bất đồng về quan điểm sống và hiện nay không còn quan tâm lẫn nhau nữa, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng kết quả không thành. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với với ông Nguyễn Trần Đ.

Về con chung: Ông bà trong quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/9/2009. Sau khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cháu P cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Trần Đ trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà có đăng ký kết hôn vào 2008 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 370, ngày 31/12/2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà Lê Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn bởi vì ông theo đạo công giáo.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/9/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho T ly hôn thì ông đồng ý giao cháu P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con..

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông không trình bày và không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Trần Đ đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T. Về con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/9/2009, đề nghị Tòa án giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông đạm trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Bà Lê Thị Hồng T khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Trần Đ hiện đang thực tế sinh sống tại: Số A, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà T, ông Đ đầy đủ. Tuy nhiên, bà T, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân**: Bà T, ông Đ tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm vào 2008 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 370, ngày 31/12/2008, hôn nhân tự nguyện. Căn cứ vào Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại bản tự khai, cả hai bên đều thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau đã xảy ra những mâu thuẫn và cãi vã. Mặc dù ông K không đồng ý ly hôn với lý do ông theo đạo công giáo, tuy nhiên bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn, chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Đ.

[4] **Về con chung**: Trong quá trình chung sống, bà T và ông Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/9/2009. Sau khi ly hôn, bà T và ông Đ đều thống nhất giao cháu Nguyễn Minh P cho bà Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà T và ông Đ trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí**: Bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T. Bà Lê Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Trần Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 21/9/2009 cho bà Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Trần Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông Nguyễn Trần Đ.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí về việc cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011479 ngày 16/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp xong án phí.

5. Bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Trần Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**